

SỔ ĐIỂM THI TUYỂN SINH LIÊN THÔNG CAO ĐẲNG LÊN ĐẠI HỌC - ĐỢT 2 NĂM 2011

BVS - HỌC VIỆN CÔNG NGHỆ BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG - CƠ SỞ PHÍA NAM

TT	Số báo danh	Họ và tên	Phai	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Ngành ĐKDT	Đôi tượng UT	Điểm môn 1 (Cơ sở)	Điểm môn 2 (Chuyên môn)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm chưa làm tròn	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú	
1	L112-0002	Hồ Sỹ Trịnh	An	Nam	19/09/1989	111042-063	Công nghệ thông tin		6.50	4.50		11.00	11.00	
2	L112-0003	Lã Bình	An	Nữ	25/12/1990	111042-150	Công nghệ thông tin		6.50	4.50		11.00	11.00	
3	L112-0005	Nguyễn Hồng	Ăn	Nam	21/11/1990	111012-181	Điện tử Viễn thông		3.50	6.75		10.25	10.50	
4	L112-0007	Đặng Thế	Anh	Nam	18/12/1986	111042-028	Công nghệ thông tin		6.00	2.50		08.50	08.50	
5	L112-0009	Lê Quốc	Anh	Nam	01/10/1990	111012-004	Điện tử Viễn thông		8.50	7.50		16.00	16.00	
6	L112-0010	Nguyễn Vũ Viên	Anh	Nữ	11/02/1990	114012-042	Quản trị dinh doanh		1.75	3.00		04.75	05.00	
7	L112-0012	Trần Quốc	Anh	Nam	07/12/1988	111012-081	Điện tử Viễn thông		0.00	V		00.00	00.00	
8	L112-0013	Nguyễn Văn	Ánh	Nam	16/06/1990	111012-014	Điện tử Viễn thông		7.50	8.00		15.50	15.50	
9	L112-0014	Đặng Thanh	Bach	Nam	25/06/1990	111012-312	Điện tử Viễn thông		6.25	6.75		13.00	13.00	
10	L112-0015	Nguyễn Quốc Phi	Bằng	Nam	21/11/1988	111012-015	Điện tử Viễn thông		4.00	5.25		09.25	09.50	
11	L112-0016	Đặng Thị Thanh	Bình	Nữ	08/06/1986	114012-009	Quản trị dinh doanh	2	5.00	5.50	0.5	10.50	10.50	
12	L112-0020	Trịnh Thanh	Bình	Nam	12/04/1989	111012-112	Điện tử Viễn thông		8.25	6.00		14.25	14.50	
13	L112-0021	Trần Văn	Bo	Nam	12/08/1989	111042-094	Công nghệ thông tin		9.00	7.50		16.50	16.50	
14	L112-0022	Phan Duy	Cảnh	Nam	18/11/1990	111042-091	Công nghệ thông tin		2.00	V		02.00	02.00	
15	L112-0023	Lưu Kim	Chan	Nam	19/03/1988	111012-073	Điện tử Viễn thông	1	6.75	6.50	1.0	13.25	13.50	
16	L112-0024	Lê Anh	Châu	Nam	04/12/1990	111012-151	Điện tử Viễn thông		5.75	5.75		11.50	11.50	
17	L112-0027	Nguyễn Văn	Chiến	Nam	29/10/1990	111012-307	Điện tử Viễn thông		4.00	6.75		10.75	11.00	
18	L112-0028	Dương Quốc	Chính	Nam	15/03/1989	111042-106	Công nghệ thông tin		4.00	V		04.00	04.00	
19	L112-0030	Lê Trung	Chính	Nam	13/01/1987	111042-055	Công nghệ thông tin		9.00	7.50		16.50	16.50	
20	L112-0032	Trần Nguyễn Hiến	Chương	Nam	20/11/1984	114012-001	Quản trị dinh doanh		6.50	5.00		11.50	11.50	
21	L112-0035	Dương Ngọc Quốc	Cường	Nam	27/10/1989	111042-088	Công nghệ thông tin		8.50	5.00		13.50	13.50	
22	L112-0036	Lê Hoàng Chí	Cường	Nam	23/11/1990	111012-321	Điện tử Viễn thông		7.50	6.75		14.25	14.50	
23	L112-0037	Lý Trí	Cường	Nam	07/09/1989	111012-299	Điện tử Viễn thông		0.25	V		00.25	00.50	
24	L112-0039	Nguyễn Quốc	Cường	Nam	07/09/1982	111042-147	Công nghệ thông tin		7.00	2.50		09.50	09.50	
25	L112-0041	Nguyễn Tuấn	Cường	Nam	31/12/1987	111012-082	Điện tử Viễn thông		4.50	7.50		12.00	12.00	
26	L112-0044	Trần Việt	Cường	Nam	19/04/1990	111012-213	Điện tử Viễn thông	2	7.00	5.00	0.5	12.00	12.00	
27	L112-0046	Bùi Quốc	Danh	Nam	30/09/1990	111042-112	Công nghệ thông tin		4.00	V		04.00	04.00	
28	L112-0047	Nguyễn Công	Danh	Nam	11/09/1987	111012-300	Điện tử Viễn thông		0.50	3.00		03.50	03.50	
29	L112-0048	Lê Thị Ngọc	Diễm	Nữ	20/08/1989	114012-024	Quản trị dinh doanh		6.00	6.50		12.50	12.50	
30	L112-0049	Nguyễn Văn	Diễn	Nam	23/09/1989	111012-117	Điện tử Viễn thông		5.50	5.00		10.50	10.50	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Phai	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Ngành ĐKDT	Đối tượng UT	Điểm môn 1 (Cơ sở)	Điểm môn 2 (Chuyên môn)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm chưa làm tròn	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú
31	L112-0051	Hà Quang Du	Nam	16/07/1989	111012-053	Điện tử Viễn thông		7.50	6.50		14.00	14.00	
32	L112-0052	Đặng Anh Duẩn	Nam	05/01/1990	111042-221	Công nghệ thông tin		6.75	7.00		13.75	14.00	
33	L112-0053	Nguyễn Thị Dung	Nữ	02/02/1989	114012-011	Quản trị dinh doanh		5.00	5.25		10.25	10.50	
34	L112-0054	Nguyễn Thị Thùy Dung	Nữ	29/10/1989	111042-216	Công nghệ thông tin		7.50	7.00		14.50	14.50	
35	L112-0055	Lư Tấn Dũng	Nam	05/05/1990	111012-043	Điện tử Viễn thông		3.00	4.50		07.50	07.50	
36	L112-0056	Nguyễn Quốc Dũng	Nam	16/01/1989	111012-080	Điện tử Viễn thông		4.75	6.00		10.75	11.00	
37	L112-0058	Nguyễn Tiến Dũng	Nam	13/12/1990	111012-173	Điện tử Viễn thông		8.00	6.50		14.50	14.50	
38	L112-0059	Trần Hoàng Dũng	Nam	18/06/1986	111012-137	Điện tử Viễn thông		0.00	6.25		06.25	06.50	
39	L112-0060	Trần Khắc Dũng	Nam	28/09/1989	111042-110	Công nghệ thông tin		6.25	4.50		10.75	11.00	
40	L112-0061	Trần Việt Dũng	Nam	18/02/1983	111012-025	Điện tử Viễn thông		6.00	7.75		13.75	14.00	
41	L112-0063	Lê Xuân Dương	Nam	10/11/1987	111012-070	Điện tử Viễn thông		4.75	7.50		12.25	12.50	
42	L112-0064	Thái Duy Dương	Nam	31/10/1988	111012-315	Điện tử Viễn thông		0.00	5.75		05.75	06.00	
43	L112-0065	Hồ Thanh Duy	Nam	08/09/1990	111012-006	Điện tử Viễn thông		3.00	6.75		09.75	10.00	
44	L112-0066	Huỳnh Nhật Khai Duy	Nam	17/04/1988	111012-206	Điện tử Viễn thông		3.75	5.25		09.00	09.00	
45	L112-0067	Lương Tấn Duy	Nam	25/10/1989	111042-113	Công nghệ thông tin		3.25	0.50		03.75	04.00	
46	L112-0068	Mạc Ba Duy	Nam	08/07/1989	111012-196	Điện tử Viễn thông		1.50	4.25		05.75	06.00	
47	L112-0069	Nguyễn Đức Duy	Nam	12/02/1990	111012-013	Điện tử Viễn thông		6.25	7.50		13.75	14.00	
48	L112-0070	Nguyễn Hữu Duy	Nam	25/04/1990	111012-149	Điện tử Viễn thông		4.25	6.50		10.75	11.00	
49	L112-0071	Nguyễn Khoa Duy	Nam	25/10/1989	111042-109	Công nghệ thông tin		3.00	7.00		10.00	10.00	
50	L112-0072	Nguyễn Minh Duy	Nam	19/12/1990	111012-135	Điện tử Viễn thông		4.25	6.50		10.75	11.00	
51	L112-0075	Bùi Hữu Đăng	Nam	25/06/1987	111042-065	Công nghệ thông tin		3.00	2.50		05.50	05.50	
52	L112-0076	Đặng Tấn Đạt	Nam	22/05/1988	111012-016	Điện tử Viễn thông		5.75	7.25		13.00	13.00	
53	L112-0077	Lê Hoài Đạt	Nam	23/06/1989	114012-035	Quản trị dinh doanh		6.25	3.25		09.50	09.50	
54	L112-0079	Lê Văn Đạt	Nam	04/12/1989	111042-093	Công nghệ thông tin		7.50	4.50		12.00	12.00	
55	L112-0081	Lý Quốc Đạt	Nam	13/01/1990	111042-139	Công nghệ thông tin		4.00	V		04.00	04.00	
56	L112-0082	Ngô Thành Tấn Đạt	Nam	23/07/1989	111042-015	Công nghệ thông tin		9.00	7.50		16.50	16.50	
57	L112-0083	Ôn Tuấn Đạt	Nam	12/08/1990	111042-062	Công nghệ thông tin	1	5.00	5.50	1.0	10.50	10.50	
58	L112-0085	Nguyễn Tấn Điệp	Nam	20/04/1990	111012-222	Điện tử Viễn thông		1.50	4.75		06.25	06.50	
59	L112-0086	Trần Quang Định	Nam	06/08/1988	114012-016	Quản trị dinh doanh		4.50	2.00		06.50	06.50	
60	L112-0087	Lương Công Đoan	Nam	16/01/1987	111012-100	Điện tử Viễn thông		7.50	8.00		15.50	15.50	
61	L112-0089	Lê Văn Đức	Nam	26/09/1986	111012-125	Điện tử Viễn thông		3.50	7.25		10.75	11.00	
62	L112-0091	Nguyễn Sĩ Đức	Nam	21/09/1989	111012-104	Điện tử Viễn thông		3.25	7.00		10.25	10.50	
63	L112-0092	Trần Đình Đức	Nam	19/08/1990	111042-218	Công nghệ thông tin		6.50	8.00		14.50	14.50	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Phai	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Ngành ĐKDT	Đối tượng UT	Điểm môn 1 (Cơ sở)	Điểm môn 2 (Chuyên môn)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm chưa làm tròn	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú
64	L112-0093	Trần Văn Đức	Nam	01/07/1988	111042-072	Công nghệ thông tin		5.50	3.50		09.00	09.00	
65	L112-0095	Hồng Đình Giang	Nam	20/02/1986	111012-047	Điện tử Viễn thông		5.75	7.25		13.00	13.00	
66	L112-0098	Nguyễn Thị Hiền	Nữ	02/10/1990	111012-326	Điện tử Viễn thông		1.75	6.50		08.25	08.50	
67	L112-0099	Võ Văn Trường	Nam	19/12/1989	111012-301	Điện tử Viễn thông		5.00	7.50		12.50	12.50	
68	L112-0100	Vũ Hoàng	Nam	11/11/1989	111042-209	Công nghệ thông tin		5.50	1.00		06.50	06.50	
69	L112-0102	Đỗ Hoàng Hà	Nam	02/12/1983	111012-063	Điện tử Viễn thông		5.00	5.75		10.75	11.00	
70	L112-0103	Hồ Hữu Hà	Nam	26/02/1988	111012-020	Điện tử Viễn thông		3.50	6.25		09.75	10.00	
71	L112-0104	Võ Văn Hạ	Nam	02/01/1988	111012-077	Điện tử Viễn thông		4.00	4.50		08.50	08.50	
72	L112-0106	Đoàn Minh Hải	Nam	04/04/1988	111042-069	Công nghệ thông tin		6.00	1.50		07.50	07.50	
73	L112-0107	Ngô Hoàng Hải	Nam	13/09/1989	111012-095	Điện tử Viễn thông		2.25	3.50		05.75	06.00	
74	L112-0109	Nguyễn Văn Hải	Nam	15/10/1988	111012-078	Điện tử Viễn thông		2.75	6.50		09.25	09.50	
75	L112-0113	Lê Thị Ngọc Hân	Nữ	13/11/1990	111042-215	Công nghệ thông tin		7.75	7.50		15.25	15.50	
76	L112-0115	Đặng Thị Thúy Hằng	Nữ	20/10/1989	111042-035	Công nghệ thông tin		7.50	2.00		09.50	09.50	
77	L112-0116	Đỗ Thị Hằng	Nữ	07/02/1990	111042-041	Công nghệ thông tin		6.75	2.50		09.25	09.50	
78	L112-0117	Nguyễn Thị Thu Hằng	Nữ	08/11/1977	111012-054	Điện tử Viễn thông		0.00	2.00		02.00	02.00	
79	L112-0118	Trần Thanh Hằng	Nữ	19/09/1980	114012-064	Quản trị dinh doanh		4.00	3.25		07.25	07.50	
80	L112-0119	Nguyễn Đình Hạnh	Nam	26/12/1988	111042-040	Công nghệ thông tin		3.25	2.00		05.25	05.50	
81	L112-0120	Đặng Hữu Hạnh	Nam	01/01/1989	111012-092	Điện tử Viễn thông	2	4.00	6.25	0.5	10.25	10.50	
82	L112-0123	Võ Thế Hào	Nam	16/11/1984	111012-083	Điện tử Viễn thông		3.75	4.75		08.50	08.50	
83	L112-0126	Nguyễn Văn Hên	Nam	02/06/1990	111012-152	Điện tử Viễn thông		8.75	7.25		16.00	16.00	
84	L112-0127	Lê Thanh Hiền	Nam	30/07/1987	114012-018	Quản trị dinh doanh		7.00	4.50		11.50	11.50	
85	L112-0128	Lê Thị Hiền	Nữ	02/09/1990	111042-127	Công nghệ thông tin	2	3.50	V	0.5	03.50	03.50	
86	L112-0129	Lương Thị Thu Hiền	Nữ	13/12/1990	114012-037	Quản trị dinh doanh		6.00	6.50		12.50	12.50	
87	L112-0132	Trần Quang Hiền	Nam	28/06/1989	111012-084	Điện tử Viễn thông		7.00	6.00		13.00	13.00	
88	L112-0133	Dương Nhật Hiện	Nam	24/09/1990	111012-207	Điện tử Viễn thông		2.75	5.75		08.50	08.50	
89	L112-0134	Lê Quang Hiệp	Nam	19/12/1990	111012-161	Điện tử Viễn thông	2	9.00	7.50	0.5	16.50	16.50	
90	L112-0135	Nguyễn Thanh Hiệp	Nam	30/06/1990	111012-186	Điện tử Viễn thông		4.50	7.00		11.50	11.50	
91	L112-0136	Nguyễn Thành Hiệp	Nam	01/05/1990	111012-024	Điện tử Viễn thông		8.75	7.25		16.00	16.00	
92	L112-0137	Nguyễn Minh Hiếu	Nam	17/07/1986	114012-036	Quản trị dinh doanh		2.25	3.75		06.00	06.00	
93	L112-0138	Nguyễn Trung Hiếu	Nam	05/10/1990	111012-311	Điện tử Viễn thông		6.75	7.25		14.00	14.00	
94	L112-0141	Phạm Văn Hiếu	Nam	01/01/1986	111012-074	Điện tử Viễn thông		0.00	V		00.00	00.00	Đình chỉ môn 1
95	L112-0142	Phạm Đắc Hồ	Nam	30/10/1989	111012-076	Điện tử Viễn thông		1.75	5.50		07.25	07.50	
96	L112-0146	Nguyễn Văn Hòa	Nam	30/09/1987	111012-042	Điện tử Viễn thông		2.00	4.00		06.00	06.00	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Phai	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Ngành ĐKDT	Đối tượng UT	Điểm môn 1 (Cơ sở)	Điểm môn 2 (Chuyên môn)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm chưa làm tròn	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú	
97	L112-0148	Trần Thị Xuân	Hòa	Nữ	21/03/1989	111012-121	Điện tử Viễn thông	1.50	3.00		04.50	04.50		
98	L112-0149	Cao Văn	Hoài	Nam	05/01/1986	111042-076	Công nghệ thông tin	4.50	1.00		05.50	05.50		
99	L112-0152	Đình Văn	Hoàng	Nam	01/05/1989	111042-098	Công nghệ thông tin	6.50	2.50		09.00	09.00		
100	L112-0154	Trương Bảo	Hoàng	Nam	04/04/1987	111012-058	Điện tử Viễn thông	0.50	5.50		06.00	06.00		
101	L112-0155	Chu Thị Ánh	Hồng	Nữ	02/01/1988	111042-034	Công nghệ thông tin	2	7.50	4.00	0.5	11.50	11.50	
102	L112-0156	Nguyễn Thị	Hồng	Nữ	24/10/1989	111012-005	Điện tử Viễn thông	2.25	5.25		07.50	07.50		
103	L112-0157	Nguyễn Thị Ánh	Hồng	Nữ	31/03/1990	111012-059	Điện tử Viễn thông	5.75	6.00		11.75	12.00		
104	L112-0158	Nguyễn Thị Kim	Hồng	Nữ	30/04/1989	111042-048	Công nghệ thông tin	7.00	4.50		11.50	11.50		
105	L112-0160	Đặng Thế	Hợp	Nam	12/11/1984	114012-069	Quản trị dinh doanh	4.00	1.25		05.25	05.50		
106	L112-0163	Nguyễn Văn	Huân	Nam	23/12/1987	111042-126	Công nghệ thông tin	0.00	V		00.00	00.00		
107	L112-0168	Nguyễn Thanh	Hùng	Nam	20/08/1989	111012-136	Điện tử Viễn thông	5.50	6.25		11.75	12.00		
108	L112-0170	Nguyễn Trí	Hùng	Nam	02/11/1986	111042-043	Công nghệ thông tin	2.00	3.00		05.00	05.00		
109	L112-0172	Nguyễn Việt	Hùng	Nam	14/11/1987	114012-057	Quản trị dinh doanh	5.50	1.75		07.25	07.50		
110	L112-0179	Đặng Quốc	Hưng	Nam	15/05/1989	111012-133	Điện tử Viễn thông	7.75	7.50		15.25	15.50		
111	L112-0181	Nguyễn Quốc	Hưng	Nam	02/01/1990	111012-153	Điện tử Viễn thông	7.25	7.25		14.50	14.50		
112	L112-0185	Phạm Thị	Hường	Nữ	02/09/1988	114012-053	Quản trị dinh doanh	5.75	3.50		09.25	09.50		
113	L112-0190	Dương Đức	Huy	Nam	18/10/1989	111012-131	Điện tử Viễn thông	6.00	6.25		12.25	12.50		
114	L112-0191	Huỳnh Đức	Huy	Nam	29/11/1989	111012-099	Điện tử Viễn thông	5.50	6.25		11.75	12.00		
115	L112-0194	Nguyễn Mạnh	Huy	Nam	27/06/1990	111012-247	Điện tử Viễn thông	2	3.50	7.25	0.5	10.75	11.00	
116	L112-0195	Nguyễn Minh	Huy	Nam	08/06/1987	111042-085	Công nghệ thông tin	4.50	7.00		11.50	11.50		
117	L112-0197	Thái Quang	Huy	Nam	22/11/1988	111042-042	Công nghệ thông tin	9.00	6.50		15.50	15.50		
118	L112-0199	Trịnh Hải	Huy	Nam	17/11/1988	111012-010	Điện tử Viễn thông	6.25	6.50		12.75	13.00		
119	L112-0200	Nguyễn Thị	Huyền	Nữ	04/08/1989	111042-006	Công nghệ thông tin	8.50	6.00		14.50	14.50		
120	L112-0201	Nguyễn	Huýt	Nam	10/10/1988	111012-304	Điện tử Viễn thông	5.25	5.25		10.50	10.50		
121	L112-0202	Trương Công Thành	Kga	Nam	01/01/1990	111012-062	Điện tử Viễn thông	4.50	5.25		09.75	10.00		
122	L112-0203	Lê Thành	Khắc	Nam	21/01/1989	111042-102	Công nghệ thông tin	3.50	1.00		04.50	04.50		
123	L112-0204	Nguyễn Ngọc	Khân	Nam	15/10/1987	111012-091	Điện tử Viễn thông	5.50	6.00		11.50	11.50		
124	L112-0206	Lê Minh	Khang	Nam	12/04/1989	111042-146	Công nghệ thông tin	8.50	8.50		17.00	17.00		
125	L112-0207	Nguyễn Bá	Khang	Nam	24/04/1989	111042-032	Công nghệ thông tin	6.75	6.50		13.25	13.50		
126	L112-0208	Nguyễn Đặng Hoàng	Khanh	Nam	19/12/1989	111042-067	Công nghệ thông tin	8.00	7.50		15.50	15.50		
127	L112-0209	Phạm Ngọc	Khanh	Nam	11/05/1987	111012-093	Điện tử Viễn thông	3.25	6.00		09.25	09.50		
128	L112-0210	Phạm Thùy	Khanh	Nữ	25/11/1990	111042-217	Công nghệ thông tin	3.25	2.00		05.25	05.50		
129	L112-0211	Bùi Nhật	Khánh	Nam	20/12/1990	111012-179	Điện tử Viễn thông	9.00	7.50		16.50	16.50		

TT	Số báo danh	Họ và tên	Phai	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Ngành ĐKDT	ĐỐI tượng ƯT	Điểm môn 1 (Cơ sở)	Điểm môn 2 (Chuyên môn)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm chưa làm tròn	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú
130	L112-0212	Bùi Phạm Khánh	Nam	24/08/1989	111012-019	Điện tử Viễn thông		4.75	5.50		10.25	10.50	
131	L112-0213	Cao Quốc Khánh	Nam	02/05/1988	111012-108	Điện tử Viễn thông		7.00	6.50		13.50	13.50	
132	L112-0217	Nguyễn Ngọc Khánh	Nam	04/10/1987	114012-049	Quản trị dinh doanh		6.75	0.50		07.25	07.50	
133	L112-0218	Nguyễn Trung Khánh	Nam	23/04/1985	111012-044	Điện tử Viễn thông		1.00	6.00		07.00	07.00	
134	L112-0220	Nguyễn Đăng Khoa	Nam	03/04/1982	111012-057	Điện tử Viễn thông		6.75	6.25		13.00	13.00	
135	L112-0222	Nguyễn Hữu Khoa	Nam	23/08/1989	111012-160	Điện tử Viễn thông		8.00	6.00		14.00	14.00	
136	L112-0223	Trần Minh Khoa	Nam	16/12/1990	111012-201	Điện tử Viễn thông		7.00	6.25		13.25	13.50	
137	L112-0224	Hoàng Duy Khôi	Nam	15/08/1989	111042-117	Công nghệ thông tin		3.50	1.00		04.50	04.50	
138	L112-0225	Nguyễn Thị Khuyên	Nữ	02/03/1989	111042-125	Công nghệ thông tin		5.25	1.50		06.75	07.00	
139	L112-0226	Nguyễn Hoàng Kim	Nam	27/11/1988	111012-317	Điện tử Viễn thông		4.00	5.75		09.75	10.00	
140	L112-0227	Triệu Mỹ Kim	Nữ	04/04/1989	111012-319	Điện tử Viễn thông		3.25	5.25		08.50	08.50	
141	L112-0228	Trần Quốc Kỳ	Nam	30/04/1990	111012-158	Điện tử Viễn thông		8.00	6.25		14.25	14.50	
142	L112-0229	Nguyễn Ngọc Thái Lai	Nam	06/03/1990	111042-100	Công nghệ thông tin		2.50	1.50		04.00	04.00	
143	L112-0230	Phạm Thị Lai	Nữ	12/08/1986	114012-058	Quản trị dinh doanh		5.00	2.25		07.25	07.50	
144	L112-0232	Bùi Hoài Lam	Nam	30/10/1989	111012-028	Điện tử Viễn thông		5.50	5.25		10.75	11.00	
145	L112-0233	Võ Hữu Lam	Nam	01/02/1987	111012-060	Điện tử Viễn thông		3.75	6.00		09.75	10.00	
146	L112-0234	Vũ Nguyên Quỳnh Lam	Nam	04/03/1988	111042-115	Công nghệ thông tin		7.25	2.50		09.75	10.00	
147	L112-0235	Trần Dũng Lâm	Nam	13/04/1988	111012-051	Điện tử Viễn thông		6.50	6.50		13.00	13.00	
148	L112-0236	Nguyễn Thị Ngọc Lan	Nữ	14/06/1990	114012-038	Quản trị dinh doanh		5.00	6.25		11.25	11.50	
149	L112-0237	Võ Văn Quốc Lân	Nam	20/06/1989	111012-036	Điện tử Viễn thông		2.50	3.50		06.00	06.00	
150	L112-0238	Lý Quốc Lập	Nam	28/09/1990	111012-189	Điện tử Viễn thông		8.50	6.25		14.75	15.00	
151	L112-0239	Tô Thành Lập	Nam	15/10/1990	111012-162	Điện tử Viễn thông		3.50	6.75		10.25	10.50	
152	L112-0242	Bùi Thanh Liêm	Nam	25/09/1988	111042-068	Công nghệ thông tin		3.50	3.00		06.50	06.50	
153	L112-0243	Cao Thị Thúy Liêm	Nữ	15/08/1990	114012-013	Quản trị dinh doanh		7.50	4.00		11.50	11.50	
154	L112-0244	Trần Ngọc Thanh Liêm	Nam	30/09/1990	111012-155	Điện tử Viễn thông		8.25	7.25		15.50	15.50	
155	L112-0245	Châu Nhật Liên	Nữ	18/11/1989	111012-031	Điện tử Viễn thông		6.50	5.25		11.75	12.00	
156	L112-0247	Phạm Thị Như Liễu	Nữ	26/08/1989	111042-108	Công nghệ thông tin		4.00	1.00		05.00	05.00	
157	L112-0249	Lê Huy Linh	Nam	06/09/1990	111012-195	Điện tử Viễn thông		6.25	5.50		11.75	12.00	
158	L112-0250	Lý Ngọc Linh	Nữ	02/03/1987	114012-023	Quản trị dinh doanh		1.00	1.75		02.75	03.00	
159	L112-0252	Nguyễn Tấn Linh	Nam	05/05/1989	111012-314	Điện tử Viễn thông		2.00	4.00		06.00	06.00	
160	L112-0254	Nguyễn Thị Mai Loan	Nữ	12/02/1990	111012-146	Điện tử Viễn thông		8.00	6.50		14.50	14.50	
161	L112-0256	Bùi Đặng Kim Lộc	Nam	07/10/1989	111012-066	Điện tử Viễn thông	2	5.50	5.50	0.5	11.00	11.00	
162	L112-0257	Nguyễn Hữu Lộc	Nam	02/01/1990	111012-048	Điện tử Viễn thông		3.50	6.25		09.75	10.00	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Phai	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Ngành ĐKDT	ĐỐI tượng ƯT	Điểm môn 1 (Cơ sở)	Điểm môn 2 (Chuyên môn)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm chưa làm tròn	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú
163	L112-0258	Nguyễn Văn Lộc	Nam	10/06/1989	111012-309	Điện tử Viễn thông		2.00	6.75		08.75	09.00	
164	L112-0261	Bùi Quốc Thiện Bảo Long	Nam	22/10/1989	111012-144	Điện tử Viễn thông		4.00	6.25		10.25	10.50	
165	L112-0263	Ngô Nguyễn Hoàng Long	Nam	19/01/1990	111012-008	Điện tử Viễn thông		5.75	7.75		13.50	13.50	
166	L112-0264	Nguyễn Duy Long	Nam	20/11/1988	111042-054	Công nghệ thông tin		3.50	1.00		04.50	04.50	
167	L112-0266	Nguyễn Thành Long	Nam	16/02/1990	111012-169	Điện tử Viễn thông		5.75	6.75		12.50	12.50	
168	L112-0268	Vũ Thành Long	Nam	31/01/1990	111012-318	Điện tử Viễn thông		9.25	7.75		17.00	17.00	
169	L112-0269	Lê Thị Lụa	Nữ	27/11/1988	114012-030	Quản trị dinh dưỡng		4.00	1.75		05.75	06.00	
170	L112-0271	Nguyễn Minh Luân	Nam	20/02/1989	111042-016	Công nghệ thông tin		9.00	7.00		16.00	16.00	
171	L112-0272	Trần Minh Luân	Nam	19/01/1990	111012-167	Điện tử Viễn thông		7.25	6.00		13.25	13.50	
172	L112-0274	Nguyễn Đình Lực	Nam	20/01/1990	111042-036	Công nghệ thông tin		8.00	4.00		12.00	12.00	
173	L112-0275	Trần Thị Lược	Nữ	08/06/1985	114012-065	Quản trị dinh dưỡng		1.50	6.25		07.75	08.00	
174	L112-0276	Khiếu Thị Luyến	Nữ	28/10/1989	111012-090	Điện tử Viễn thông		4.25	7.75		12.00	12.00	
175	L112-0277	Phạm Thị Lý	Nữ	03/07/1987	114012-068	Quản trị dinh dưỡng		6.00	2.75		08.75	09.00	
176	L112-0278	Đặng Nhật Mai	Nam	14/08/1987	111012-124	Điện tử Viễn thông		5.50	6.25		11.75	12.00	
177	L112-0279	Nguyễn Thị Hoàng Mai	Nữ	19/03/1989	111012-143	Điện tử Viễn thông		6.50	5.75		12.25	12.50	
178	L112-0280	Võ Thị Tuyết Mai	Nữ	20/09/1987	114012-054	Quản trị dinh dưỡng		1.00	4.00		05.00	05.00	
179	L112-0281	Bùi Tiểu Minh	Nam	21/07/1989	111012-123	Điện tử Viễn thông		2.75	4.50		07.25	07.50	
180	L112-0282	Đào Công Minh	Nam	24/10/1988	111042-024	Công nghệ thông tin	1	8.50	6.50	1.0	15.00	15.00	
181	L112-0284	Nguyễn Thị Thuyết Minh	Nữ	26/09/1986	111042-124	Công nghệ thông tin		5.00	5.00		10.00	10.00	
182	L112-0285	Nguyễn Vũ Văn Toàn Minh	Nam	05/08/1989	111012-120	Điện tử Viễn thông		2.25	3.50		05.75	06.00	
183	L112-0286	Phan Gia Hoàng Minh	Nam	06/01/1987	111012-032	Điện tử Viễn thông		1.50	5.25		06.75	07.00	
184	L112-0288	Võ Thị Trà My	Nữ	17/05/1988	111012-101	Điện tử Viễn thông		3.00	6.75		09.75	10.00	
185	L112-0290	Lê Hoàng Nam	Nam	22/09/1987	111012-023	Điện tử Viễn thông		4.50	5.25		09.75	10.00	
186	L112-0291	Lê Hữu Nam	Nam	15/11/1989	111012-055	Điện tử Viễn thông		6.75	6.50		13.25	13.50	
187	L112-0292	Nguyễn Xuân Nam	Nam	10/01/1989	111042-071	Công nghệ thông tin		7.50	0.00		07.50	07.50	
188	L112-0293	Son Hoàng Nam	Nam	09/06/1988	111042-222	Công nghệ thông tin	1	0.00	V	1.0	02.00	02.00	
189	L112-0294	Nguyễn Thị Thanh Nga	Nữ	02/08/1990	114012-002	Quản trị dinh dưỡng		7.00	6.75		13.75	14.00	
190	L112-0295	Huỳnh Ngọc Ngân	Nữ	17/10/1990	111042-207	Công nghệ thông tin		7.25	5.50		12.75	13.00	
191	L112-0296	Phạm Thị Kim Ngân	Nữ	17/01/1988	114012-007	Quản trị dinh dưỡng		5.75	7.50		13.25	13.50	
192	L112-0297	Vũ Thị Ngân	Nữ	16/10/1988	111042-141	Công nghệ thông tin		2.00	V		02.00	02.00	
193	L112-0298	Huỳnh Hữu Nghị	Nam	11/04/1988	111012-045	Điện tử Viễn thông		6.50	6.25		12.75	13.00	
194	L112-0299	Lê Thanh Nghị	Nam	10/09/1989	111012-021	Điện tử Viễn thông		4.00	6.50		10.50	10.50	
195	L112-0300	Lê Đình Hiếu Nghĩa	Nam	26/06/1989	111012-202	Điện tử Viễn thông		6.50	6.25		12.75	13.00	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Phai	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Ngành ĐKDT	Đối tượng UT	Điểm môn 1 (Cơ sở)	Điểm môn 2 (Chuyên môn)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm chưa làm tròn	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú	
196	L112-0301	Lê Hồ Trọng	Nghĩa	Nam	31/10/1987	111042-027	Công nghệ thông tin	6.25	1.50		07.75	08.00		
197	L112-0302	Lê Minh	Nghĩa	Nam	19/10/1990	111042-208	Công nghệ thông tin	6.50	6.00		12.50	12.50		
198	L112-0303	Trần Ngọc Gia	Nghĩa	Nam	12/07/1989	111042-022	Công nghệ thông tin	7.75	2.50		10.25	10.50		
199	L112-0304	Nguyễn Bá	Ngọc	Nam	20/10/1988	111012-002	Điện tử Viễn thông	2	7.50	7.00	0.5	14.50	14.50	
200	L112-0305	Nguyễn Huy	Ngọc	Nam	24/05/1990	111012-200	Điện tử Viễn thông		5.75	5.75		11.50	11.50	
201	L112-0306	Nguyễn Nam	Ngư	Nam	15/08/1987	111012-098	Điện tử Viễn thông		7.75	7.25		15.00	15.00	
202	L112-0308	Nguyễn Đức	Nguyên	Nam	22/12/1989	111012-203	Điện tử Viễn thông		5.25	5.75		11.00	11.00	
203	L112-0309	Phạm Hải	Nguyên	Nam	07/07/1983	111012-067	Điện tử Viễn thông		0.25	3.00		03.25	03.50	
204	L112-0310	Tạ Đình	Nguyên	Nam	11/02/1990	111012-306	Điện tử Viễn thông		2.00	4.25		06.25	06.50	
205	L112-0312	Trần Bá	Nha	Nam	16/10/1990	111042-105	Công nghệ thông tin		6.00	4.00		10.00	10.00	
206	L112-0313	Đình Duy	Nhân	Nam	15/08/1988	111042-084	Công nghệ thông tin		2.25	1.00		03.25	03.50	
207	L112-0314	Phan Thị Thanh	Nhân	Nữ	18/10/1989	114012-034	Quản trị dinh doanh		6.50	5.50		12.00	12.00	
208	L112-0316	Nguyễn Chí	Nhân	Nam	12/12/1990	111012-154	Điện tử Viễn thông		6.50	4.50		11.00	11.00	
209	L112-0317	Nguyễn Đăng	Nhân	Nam	16/09/1989	111012-085	Điện tử Viễn thông		4.50	5.50		10.00	10.00	
210	L112-0319	Nguyễn Minh	Nhân	Nam	18/04/1989	111012-113	Điện tử Viễn thông		8.50	7.75		16.25	16.50	
211	L112-0322	Ngô Huỳnh	Nhi	Nữ	06/01/1989	111012-097	Điện tử Viễn thông		3.75	4.00		07.75	08.00	
212	L112-0323	Nguyễn Hồng	Nhi	Nữ	01/01/1990	111042-023	Công nghệ thông tin		6.50	5.00		11.50	11.50	
213	L112-0324	Ngô Thị	Nhị	Nữ	26/04/1989	111042-046	Công nghệ thông tin		2.50	0.00		02.50	02.50	
214	L112-0325	Phạm Văn	Nhớ	Nam	09/07/1988	111042-002	Công nghệ thông tin		7.50	4.00		11.50	11.50	
215	L112-0326	Nguyễn Hữu	Nhon	Nam	08/11/1990	111042-047	Công nghệ thông tin		7.00	6.00		13.00	13.00	
216	L112-0327	Nguyễn Thị	Nhuân	Nữ	20/02/1990	111042-131	Công nghệ thông tin		9.00	4.00		13.00	13.00	
217	L112-0328	Lương Thị	Nhung	Nữ	28/10/1986	114012-063	Quản trị dinh doanh		3.25	2.25		05.50	05.50	
218	L112-0329	Mai Thị	Nhung	Nữ	30/01/1989	114012-026	Quản trị dinh doanh		4.50	4.00		08.50	08.50	
219	L112-0332	Nguyễn Đắc	Ninh	Nam	13/10/1986	114012-041	Quản trị dinh doanh		5.00	5.25		10.25	10.50	
220	L112-0333	Đỗ K	Nút	Nam	08/10/1989	111012-193	Điện tử Viễn thông		5.00	5.75		10.75	11.00	
221	L112-0334	Nguyễn Thị Kiều	Oanh	Nữ	04/12/1990	111012-178	Điện tử Viễn thông		8.00	7.50		15.50	15.50	
222	L112-0335	Đặng Tài	Pháp	Nam	10/03/1990	111012-184	Điện tử Viễn thông		3.75	5.25		09.00	09.00	
223	L112-0336	Đỗ Văn	Pháp	Nam	21/07/1985	114012-047	Quản trị dinh doanh		6.75	3.75		10.50	10.50	
224	L112-0337	Nguyễn Minh	Phát	Nam	16/04/1989	111012-199	Điện tử Viễn thông		2.50	6.25		08.75	09.00	
225	L112-0338	Nguyễn Tuấn	Phát	Nam	18/08/1990	111042-107	Công nghệ thông tin		6.50	3.00		09.50	09.50	
226	L112-0339	Trương Hưng	Phát	Nam	12/04/1990	111012-164	Điện tử Viễn thông	1	8.50	7.75	1.0	16.25	16.25	
227	L112-0340	Nguyễn Đỗ Long	Phi	Nam	20/06/1989	111012-175	Điện tử Viễn thông		6.00	7.00		13.00	13.00	
228	L112-0341	Nguyễn Ngọc	Phiến	Nữ	25/02/1987	111042-214	Công nghệ thông tin		7.00	7.00		14.00	14.00	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Phai	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Ngành ĐKDT	Đối tượng UT	Điểm môn 1 (Cơ sở)	Điểm môn 2 (Chuyên môn)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm chưa làm tròn	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú
229	L112-0343	Nguyễn Thái Phong	Nam	07/06/1990	111012-163	Điện tử Viễn thông		6.00	6.00		12.00	12.00	
230	L112-0344	Phạm Văn Phong	Nam	20/05/1987	111042-120	Công nghệ thông tin		0.50	V		00.50	00.50	
231	L112-0346	Lê Đỗ Hoàng Phú	Nam	23/09/1990	111042-213	Công nghệ thông tin		7.50	8.50		16.00	16.00	
232	L112-0347	Nguyễn Ngọc Phú	Nam	22/06/1990	114012-008	Quản trị dinh doanh		5.50	2.25		07.75	08.00	
233	L112-0349	Huỳnh Long Phúc	Nam	11/05/1989	111042-220	Công nghệ thông tin		5.25	8.00		13.25	13.50	
234	L112-0350	Nguyễn Đình Phúc	Nam	24/04/1986	111042-140	Công nghệ thông tin		8.00	4.50		12.50	12.50	
235	L112-0351	Vũ Hồng Phúc	Nam	24/04/1989	111042-009	Công nghệ thông tin		6.75	7.00		13.75	14.00	
236	L112-0352	Nguyễn Văn Phụng	Nam	23/05/1990	111012-260	Điện tử Viễn thông		8.50	7.75		16.25	16.50	
237	L112-0353	Lê Hữu Phước	Nam	02/03/1989	111012-068	Điện tử Viễn thông	2	4.75	5.25	0.5	10.00	10.00	
238	L112-0354	Nguyễn Thị Hồng Phước	Nữ	29/10/1990	114012-021	Quản trị dinh doanh		4.00	5.75		09.75	10.00	
239	L112-0355	Châu Hoàng Phương	Nam	16/09/1988	111012-166	Điện tử Viễn thông		7.00	3.50		10.50	10.50	
240	L112-0356	Nguyễn Hà Phương	Nữ	17/01/1988	114012-040	Quản trị dinh doanh		4.50	3.50		08.00	08.00	
241	L112-0357	Nguyễn Thị Phương	Nữ	12/05/1988	114012-062	Quản trị dinh doanh	2	6.00	6.00	0.5	12.00	12.00	
242	L112-0358	Nguyễn Thị Phương	Nữ	10/02/1989	114012-012	Quản trị dinh doanh		5.50	5.75		11.25	11.50	
243	L112-0361	Nguyễn Đức Quân	Nam	29/03/1989	111012-110	Điện tử Viễn thông		5.50	6.25		11.75	12.00	
244	L112-0362	Hồ Văn Quang	Nam	20/07/1990	114012-032	Quản trị dinh doanh		3.25	4.75		08.00	08.00	
245	L112-0363	Lâm Đăng Quang	Nam	03/01/1985	111012-132	Điện tử Viễn thông	1	2.25	2.50	1.0	04.75	05.00	
246	L112-0365	Nguyễn Ngọc Quang	Nam	22/05/1989	111012-129	Điện tử Viễn thông		5.25	7.00		12.25	12.50	
247	L112-0366	Trần Văn Quang	Nam	09/09/1989	111012-096	Điện tử Viễn thông	2	0.25	2.00	0.5	02.25	02.50	
248	L112-0367	Nguyễn Ngọc Quốc	Nam	25/08/1990	111042-060	Công nghệ thông tin		2.25	1.00		03.25	03.50	
249	L112-0368	Nguyễn Quốc Quốc	Nam	20/10/1989	111042-078	Công nghệ thông tin		3.75	2.50		06.25	06.50	
250	L112-0369	Dương Đỗ Thục Quyên	Nữ	17/07/1990	114012-020	Quản trị dinh doanh		4.50	3.75		08.25	08.50	
251	L112-0375	Huỳnh Kỳ Rin	Nam	03/04/1989	111012-177	Điện tử Viễn thông		8.50	7.50		16.00	16.00	
252	L112-0376	Lê Vũ Rinl	Nam	04/03/1984	111012-126	Điện tử Viễn thông		5.25	2.75		08.00	08.00	
253	L112-0377	Đình Hồng Sâm	Nam	18/09/1989	111012-088	Điện tử Viễn thông	1	0.50	2.50	1.0	03.00	03.00	
254	L112-0378	Lê Minh Sang	Nam	26/06/1989	111012-192	Điện tử Viễn thông		4.25	6.25		10.50	10.50	
255	L112-0380	Nguyễn Trọng Sinh	Nam	24/10/1988	111042-066	Công nghệ thông tin		3.00	3.50		06.50	06.50	
256	L112-0382	Nguyễn Thị Lê Soa	Nữ	07/12/1990	111042-011	Công nghệ thông tin		9.00	3.00		12.00	12.00	
257	L112-0384	Nguyễn Hoàng Sơn	Nam	01/10/1989	111042-075	Công nghệ thông tin	2	2.50	1.00	0.5	03.50	03.50	
258	L112-0385	Nguyễn Lương Sơn	Nam	13/10/1989	111012-190	Điện tử Viễn thông		8.25	6.75		15.00	15.00	
259	L112-0386	Nguyễn Thành Sơn	Nam	02/06/1990	111012-165	Điện tử Viễn thông		1.00	5.50		06.50	06.50	
260	L112-0389	Nguyễn Văn Sơn	Nam	19/06/1987	111012-264	Điện tử Viễn thông		5.25	5.25		10.50	10.50	
261	L112-0390	Phan Anh Sơn	Nam	04/11/1990	111042-116	Công nghệ thông tin		9.00	4.50		13.50	13.50	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Phai	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Ngành ĐKDT	ĐỐI tượng ƯT	Điểm môn 1 (Cơ sở)	Điểm môn 2 (Chuyên môn)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm chưa làm tròn	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú
262	L112-0391	Tô Văn Sua	Nam	20/08/1988	111012-094	Điện tử Viễn thông	1	8.00	6.00	1.0	14.00	14.00	
263	L112-0392	Nguyễn Tấn Sửu	Nam	12/04/1985	111042-123	Công nghệ thông tin		6.50	4.00		10.50	10.50	
264	L112-0393	Nguyễn Thanh Trọng	Nam	07/09/1989	111012-324	Điện tử Viễn thông		2.75	6.25		09.00	09.00	
265	L112-0394	Hà Thế Tài	Nam	05/09/1989	111012-009	Điện tử Viễn thông		2.75	6.00		08.75	09.00	
266	L112-0396	Nguyễn Tấn Tài	Nam	10/01/1990	111012-140	Điện tử Viễn thông		8.25	7.00		15.25	15.50	
267	L112-0397	Nguyễn Văn Tài	Nam	22/03/1984	111012-210	Điện tử Viễn thông		2.50	2.75		05.25	05.50	
268	L112-0398	Vũ Ngọc Tài	Nam	30/09/1990	111012-007	Điện tử Viễn thông		3.00	5.25		08.25	08.50	
269	L112-0399	Hồ Nguyễn Tri Tâm	Nam	04/09/1990	111012-267	Điện tử Viễn thông		4.25	4.75		09.00	09.00	
270	L112-0400	Lâm Thành Tâm	Nam	20/10/1988	111012-071	Điện tử Viễn thông		4.25	6.00		10.25	10.50	
271	L112-0401	Lê Thành Tâm	Nam	15/03/1990	111012-027	Điện tử Viễn thông	2	5.00	6.00	0.5	11.00	11.00	
272	L112-0402	Lê Thành Tâm	Nam	24/06/1989	111012-322	Điện tử Viễn thông		9.00	7.50		16.50	16.50	
273	L112-0403	Nguyễn Thị Minh Tâm	Nữ	13/01/1990	111042-219	Công nghệ thông tin		8.50	7.00		15.50	15.50	
274	L112-0404	Phạm Ngọc Tâm	Nam	17/11/1987	111012-134	Điện tử Viễn thông		2.00	3.50		05.50	05.50	
275	L112-0405	Phan Thanh Tâm	Nam	05/11/1990	111012-188	Điện tử Viễn thông		6.25	6.75		13.00	13.00	
276	L112-0406	Phan Thị Thanh Tâm	Nữ	20/02/1990	111042-012	Công nghệ thông tin		6.50	5.50		12.00	12.00	
277	L112-0407	Lê Đình Tân	Nam	19/03/1983	111042-053	Công nghệ thông tin		8.50	3.50		12.00	12.00	
278	L112-0408	Nguyễn Quốc Tào	Nam	10/11/1988	111042-121	Công nghệ thông tin		5.50	4.00		09.50	09.50	
279	L112-0409	Lê Phương Tây	Nam	17/03/1988	111042-128	Công nghệ thông tin		5.50	2.00		07.50	07.50	
280	L112-0410	Ngô Văn Thạch	Nam	12/08/1988	111042-052	Công nghệ thông tin		4.25	3.00		07.25	07.50	
281	L112-0411	Thái Kim Thạch	Nam	29/09/1989	111042-037	Công nghệ thông tin		7.00	6.00		13.00	13.00	
282	L112-0412	Trần Nguyễn Vũ Thạch	Nam	11/04/1985	111042-031	Công nghệ thông tin		8.25	6.50		14.75	15.00	
283	L112-0413	Trịnh Quang Thạch	Nam	07/09/1990	111042-096	Công nghệ thông tin		6.25	4.50		10.75	11.00	
284	L112-0414	Lê Thị Ngọc Thắm	Nữ	20/12/1990	114012-006	Quản trị dinh dưỡng		8.00	5.00		13.00	13.00	
285	L112-0415	Nguyễn Kim Nguyệt Thắm	Nữ	01/06/1988	114012-029	Quản trị dinh dưỡng		3.75	4.00		07.75	08.00	
286	L112-0416	Trần Đức Thắng	Nam	13/07/1989	111012-029	Điện tử Viễn thông		8.50	7.00		15.50	15.50	
287	L112-0418	Trương Công Thắng	Nam	30/12/1990	111042-114	Công nghệ thông tin		5.75	4.50		10.25	10.50	
288	L112-0419	Trương Hữu Thắng	Nam	04/07/1988	111012-305	Điện tử Viễn thông		0.75	3.00		03.75	04.00	
289	L112-0420	Nguyễn Thị Thái Thanh	Nữ	27/12/1990	114012-031	Quản trị dinh dưỡng		5.00	5.50		10.50	10.50	
290	L112-0421	Phùng Văn Thanh	Nam	25/07/1987	111042-136	Công nghệ thông tin		5.50	5.50		11.00	11.00	
291	L112-0422	Võ Bảo Thanh	Nam	14/10/1989	111042-039	Công nghệ thông tin		7.50	6.50		14.00	14.00	
292	L112-0423	Lương Văn Thành	Nam	20/07/1990	111012-182	Điện tử Viễn thông		8.25	7.75		16.00	16.00	
293	L112-0425	Nguyễn Thi Thành	Nam	11/01/1988	111012-086	Điện tử Viễn thông		2.00	6.25		08.25	08.50	
294	L112-0427	Phạm Minh Thành	Nam	25/12/1990	111012-183	Điện tử Viễn thông		7.50	7.25		14.75	15.00	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Phai	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Ngành ĐKDT	Đối tượng UT	Điểm môn 1 (Cơ sở)	Điểm môn 2 (Chuyên môn)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm chưa làm tròn	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú
295	L112-0428	Thần Văn Thành	Nam	23/11/1989	111012-050	Điện tử Viễn thông		5.25	6.50		11.75	12.00	
296	L112-0430	Võ Minh Thành	Nam	23/06/1987	111012-103	Điện tử Viễn thông		2.50	6.00		08.50	08.50	
297	L112-0431	Nguyễn Đức Thạnh	Nam	02/09/1989	111042-025	Công nghệ thông tin		6.00	3.50		09.50	09.50	
298	L112-0432	Bùi Duy Thảo	Nam	10/10/1990	111012-038	Điện tử Viễn thông		7.25	5.75		13.00	13.00	
299	L112-0433	Bùi Văn Thảo	Nam	15/10/1989	111012-303	Điện tử Viễn thông		9.00	6.75		15.75	16.00	
300	L112-0434	Đỗ Thị Bích Thảo	Nữ	10/11/1989	114012-003	Quản trị dinh dưỡng		2.50	3.00		05.50	05.50	
301	L112-0435	Lâm Thị Thanh Thảo	Nữ	22/12/1989	111042-004	Công nghệ thông tin		7.00	6.00		13.00	13.00	
302	L112-0436	Lý Thành Thảo	Nam	25/05/1990	111012-272	Điện tử Viễn thông		2.00	2.75		04.75	05.00	
303	L112-0440	Trần Thị Như Thảo	Nữ	07/10/1988	114012-019	Quản trị dinh dưỡng		5.50	5.00		10.50	10.50	
304	L112-0441	Trần Thị Phương Thảo	Nữ	02/09/1989	114012-027	Quản trị dinh dưỡng		3.50	4.50		08.00	08.00	
305	L112-0442	Lê Tấn Then		08/08/88	111012-204	Điện tử Viễn thông		1.50	V		01.50	01.50	
306	L112-0443	Nguyễn Đình Thi	Nam	06/01/1985	111012-294	Điện tử Viễn thông			V				
307	L112-0444	Nguyễn Quang Thi	Nam	22/07/1988	111012-141	Điện tử Viễn thông		5.00	5.25		10.25	10.50	
308	L112-0446	Lâm Ngọc Thiện	Nam	02/11/1990	111042-017	Công nghệ thông tin		5.00	4.00		09.00	09.00	
309	L112-0447	Ngô Duy Thiện	Nam	03/10/1989	111042-145	Công nghệ thông tin		7.50	7.00		14.50	14.50	
310	L112-0448	Nguyễn Chí Thiện	Nam	22/01/1990	111042-051	Công nghệ thông tin		5.00	6.50		11.50	11.50	
311	L112-0449	Nguyễn Đức Thiện	Nam	29/10/1988	111012-072	Điện tử Viễn thông	2	7.75	6.50	0.5	14.25	14.50	
312	L112-0450	Trương Minh Thiện	Nam	08/06/1989	111042-144	Công nghệ thông tin		8.50	1.50		10.00	10.00	
313	L112-0451	Nguyễn Văn Thiết	Nam	07/04/1990	111042-212	Công nghệ thông tin		9.00	7.00		16.00	16.00	
314	L112-0452	Đỗ Đình Thịnh	Nam	30/08/1985	111042-029	Công nghệ thông tin		8.00	4.50		12.50	12.50	
315	L112-0453	Đỗ Văn Thịnh	Nam	05/06/1990	111042-033	Công nghệ thông tin		7.50	7.00		14.50	14.50	
316	L112-0455	Nguyễn Quốc Thịnh	Nam	02/06/1975	111042-138	Công nghệ thông tin		0.00	0.50		00.50	00.50	
317	L112-0456	Nguyễn Quốc Thịnh	Nam	27/03/1989	111012-111	Điện tử Viễn thông		5.50	7.00		12.50	12.50	
318	L112-0457	Nguyễn Tường Thịnh	Nam	10/10/1990	111012-069	Điện tử Viễn thông		9.00	7.75		16.75	17.00	
319	L112-0458	Nguyễn Xuân Thịnh	Nam	11/07/1989	111042-050	Công nghệ thông tin		5.75	5.00		10.75	11.00	
320	L112-0459	Võ Đức Thịnh	Nam	26/07/1990	111012-037	Điện tử Viễn thông		1.00	3.00		04.00	04.00	
321	L112-0463	Nguyễn Thị Thoa	Nữ	01/07/1989	114012-028	Quản trị dinh dưỡng		6.00	6.75		12.75	13.00	
322	L112-0465	Trần Nhật Thông	Nam	05/11/1990	111012-185	Điện tử Viễn thông		8.50	6.75		15.25	15.50	
323	L112-0466	Trần Xuân Thông	Nam	04/02/1988	114012-010	Quản trị dinh dưỡng		5.50	2.50		08.00	08.00	
324	L112-0468	Phạm Văn Thủ	Nam	15/08/1990	111012-302	Điện tử Viễn thông		5.75	5.75		11.50	11.50	
325	L112-0469	Nguyễn Thị Anh Thư	Nữ	03/12/1990	111012-323	Điện tử Viễn thông		6.00	5.50		11.50	11.50	
326	L112-0472	Nguyễn Ngọc Thuận	Nam	03/07/1990	111042-086	Công nghệ thông tin		3.50	3.50		07.00	07.00	
327	L112-0473	Trần Minh Thuận	Nam	03/12/1986	111042-089	Công nghệ thông tin		5.00	7.00		12.00	12.00	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Phai	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Ngành ĐKDT	ĐỐI tượng ƯT	Điểm môn 1 (Cơ sở)	Điểm môn 2 (Chuyên môn)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm chưa làm tròn	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú
328	L112-0474	Trần Quang Thuận	Nam	23/04/1989	111042-135	Công nghệ thông tin		6.75	4.50		11.25	11.50	
329	L112-0475	Nguyễn Quang Thức	Nam	30/11/1990	111012-145	Điện tử Viễn thông		8.25	6.75		15.00	15.00	
330	L112-0478	Đỗ Thị Thùy	Nữ	03/09/1987	114012-022	Quản trị dinh doanh		3.50	6.75		10.25	10.50	
331	L112-0479	Nguyễn Thị Trúc Thủy	Nữ	03/02/1989	111042-038	Công nghệ thông tin		8.50	3.00		11.50	11.50	
332	L112-0480	Đình Minh Tiến	Nam	10/12/1989	111012-308	Điện tử Viễn thông		9.00	8.00		17.00	17.00	
333	L112-0481	Kiều Minh Tiến	Nam	02/05/1988	111042-026	Công nghệ thông tin		5.75	3.50		09.25	09.50	
334	L112-0482	Lê Tiến	Nam	02/01/1987	111012-122	Điện tử Viễn thông		8.00	6.50		14.50	14.50	
335	L112-0483	Phạm Hồng Tiến	Nam	05/10/1990	111042-095	Công nghệ thông tin		7.50	7.00		14.50	14.50	
336	L112-0485	Võ Ngọc Tiến	Nam	12/09/1989	111012-022	Điện tử Viễn thông		6.00	7.25		13.25	13.50	
337	L112-0486	Đoàn Tuấn Tín	Nam	09/11/1990	111012-056	Điện tử Viễn thông		7.50	6.75		14.25	14.50	
338	L112-0487	Lưu Trần Trọng Tín	Nam	13/09/1990	111042-081	Công nghệ thông tin		7.00	5.50		12.50	12.50	
339	L112-0488	Nguyễn Trung Tín	Nam	06/01/1990	111042-133	Công nghệ thông tin		2.00	V		02.00	02.00	
340	L112-0489	Võ Đông Thành Tín	Nam	18/08/1988	111042-083	Công nghệ thông tin	1	6.50	4.50	1.0	11.00	11.00	
341	L112-0490	Trần Văn Tính	Nam	20/07/1989	111012-316	Điện tử Viễn thông		5.25	7.50		12.75	13.00	
342	L112-0491	Nguyễn Đình Toàn	Nam	14/08/1990	111042-061	Công nghệ thông tin		4.50	1.00		05.50	05.50	
343	L112-0492	Nguyễn Đình Toàn	Nam	25/10/1988	111012-018	Điện tử Viễn thông		6.75	7.75		14.50	14.50	
344	L112-0493	Nguyễn Ngọc Thanh Toàn	Nam	26/05/1977	111042-130	Công nghệ thông tin		4.50	5.00		09.50	09.50	
345	L112-0494	Phạm Anh Toàn	Nam	13/11/1988	111042-030	Công nghệ thông tin		1.50	2.00		03.50	03.50	
346	L112-0495	Phan Thanh Toàn	Nam	24/01/1990	111012-159	Điện tử Viễn thông		6.75	7.00		13.75	14.00	
347	L112-0496	Trịnh Bảo Toàn	Nam	20/09/1990	111012-115	Điện tử Viễn thông		2.50	6.75		09.25	09.50	
348	L112-0497	Trương Lê Đức Toàn	Nam	18/12/1990	111042-082	Công nghệ thông tin		6.00	5.00		11.00	11.00	
349	L112-0498	Trần Quốc Toàn	Nam	16/11/1986	111042-018	Công nghệ thông tin		6.50	7.50		14.00	14.00	
350	L112-0500	Phạm Thanh Tông	Nam	08/04/1989	111012-168	Điện tử Viễn thông		2.25	7.00		09.25	09.50	
351	L112-0501	Huỳnh Thị Tốt	Nữ	30/12/1987	111042-142	Công nghệ thông tin		2.00	1.00		03.00	03.00	
352	L112-0503	Trần Nguyễn Mai Trâm	Nữ	12/04/1989	111042-210	Công nghệ thông tin		6.50	2.50		09.00	09.00	
353	L112-0504	Nguyễn Thùy Trâm	Nữ	06/05/1988	114012-014	Quản trị dinh doanh		5.00	3.50		08.50	08.50	
354	L112-0506	Hồ Thị Thùy Trang	Nữ	20/11/1988	114012-017	Quản trị dinh doanh		4.00	5.00		09.00	09.00	
355	L112-0507	Huỳnh Ngọc Đoan Trang	Nữ	26/09/1989	114012-048	Quản trị dinh doanh		2.75	2.00		04.75	05.00	
356	L112-0508	Lê Hà Trang	Nữ	19/06/1990	114012-033	Quản trị dinh doanh		4.00	6.75		10.75	11.00	
357	L112-0509	Lê Thị Trang	Nữ	10/02/1988	114012-039	Quản trị dinh doanh		6.50	4.50		11.00	11.00	
358	L112-0511	Nguyễn Thị Huyền Trang	Nữ	01/08/1987	114012-045	Quản trị dinh doanh		2.50	2.75		05.25	05.50	
359	L112-0512	Nguyễn Thị Kiều Trang	Nữ	05/11/1990	111042-014	Công nghệ thông tin		9.00	5.50		14.50	14.50	
360	L112-0514	Trần Thị Huyền Trang	Nữ	22/07/1987	111042-003	Công nghệ thông tin	2	3.00	1.00	0.5	04.00	04.00	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Phai	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Ngành ĐKDT	ĐỐI tượng ƯT	Điểm môn 1 (Cơ sở)	Điểm môn 2 (Chuyên môn)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm chưa làm tròn	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú
361	L112-0516	Lê Minh Trí	Nam	10/05/1988	111042-045	Công nghệ thông tin		6.25	2.50		08.75	09.00	
362	L112-0517	Lê Quang Trí	Nam	18/08/1990	111012-148	Điện tử Viễn thông		6.50	7.25		13.75	14.00	
363	L112-0518	Nguyễn Đức Minh Trí	Nam	27/09/1989	111042-103	Công nghệ thông tin		3.50	0.00		03.50	03.50	
364	L112-0519	Tô Minh Trí	Nam	10/10/1990	111042-097	Công nghệ thông tin		5.75	7.00		12.75	13.00	
365	L112-0520	Trần Quốc Trí	Nam	26/12/1989	111012-033	Điện tử Viễn thông		5.50	7.25		12.75	13.00	
366	L112-0521	Võ Văn Trí	Nam	10/06/1988	111042-119	Công nghệ thông tin		6.00	1.00		07.00	07.00	
367	L112-0522	Đoàn Văn Trí	Nam	08/04/1988	111012-064	Điện tử Viễn thông		1.75	7.00		08.75	09.00	
368	L112-0523	Lê Hoàng Triều	Nam	11/02/1976	111012-030	Điện tử Viễn thông		1.50	3.75		05.25	05.50	
369	L112-0524	Nguyễn Thị Tuyết Trinh	Nữ	10/12/1989	111012-118	Điện tử Viễn thông		6.00	6.75		12.75	13.00	
370	L112-0527	Nguyễn Thị Nhã Trúc	Nữ	24/09/1988	111042-008	Công nghệ thông tin		2.75	3.50		06.25	06.50	
371	L112-0528	Trần Thanh Trúc	Nữ	27/06/1987	111012-106	Điện tử Viễn thông		2.00	7.25		09.25	09.50	
372	L112-0529	Lê Hồ Minh Trung	Nam	18/10/1990	111042-111	Công nghệ thông tin		4.00	V		04.00	04.00	
373	L112-0530	Nguyễn Đình Trung	Nam	11/10/1989	111012-282	Điện tử Viễn thông		5.25	8.75		14.00	14.00	
374	L112-0532	Nguyễn Thành Trung	Nam	01/07/1986	111012-172	Điện tử Viễn thông		6.25	5.25		11.50	11.50	
375	L112-0534	Võ Thành Trung	Nam	22/08/1989	111012-035	Điện tử Viễn thông		7.25	8.00		15.25	15.50	
376	L112-0535	Đình Văn Trường	Nam	23/10/1988	111012-052	Điện tử Viễn thông	1	5.75	7.75	1.0	13.50	13.50	
377	L112-0536	Nguyễn Nhật Trường	Nam	06/09/1987	111012-041	Điện tử Viễn thông		5.00	6.25		11.25	11.50	
378	L112-0537	Trần Minh Trường	Nam	26/09/1989	111042-079	Công nghệ thông tin		2.00	2.00		04.00	04.00	
379	L112-0538	Trần Xuân Trường	Nam	26/10/1990	111012-174	Điện tử Viễn thông		3.25	6.50		09.75	10.00	
380	L112-0539	Nguyễn Đức Tú	Nam	25/09/1989	111042-092	Công nghệ thông tin	2	7.50	7.00	0.5	14.50	14.50	
381	L112-0540	Nguyễn Quang Tú	Nam	25/10/1986	111012-320	Điện tử Viễn thông		6.25	6.25		12.50	12.50	
382	L112-0542	Trần Văn Tư	Nam	12/02/1983	111012-087	Điện tử Viễn thông		4.50	6.00		10.50	10.50	
383	L112-0543	Bùi Mạnh Tuấn	Nam	28/03/1987	111042-001	Công nghệ thông tin		3.25	2.00		05.25	05.50	
384	L112-0544	Bùi Minh Tuấn	Nam	10/04/1989	111042-058	Công nghệ thông tin		2.50	1.50		04.00	04.00	
385	L112-0546	Lê Anh Tuấn	Nam	22/09/1987	114012-061	Quản trị kinh doanh		5.00	4.75		09.75	10.00	
386	L112-0547	Lê Văn Tuấn	Nam	21/12/1990	111012-187	Điện tử Viễn thông		8.75	5.25		14.00	14.00	
387	L112-0550	Nguyễn Sĩ Tuấn	Nam	20/09/1989	111042-049	Công nghệ thông tin		2.50	1.00		03.50	03.50	
388	L112-0551	Nguyễn Văn Tuấn	Nam	14/07/1990	111042-211	Công nghệ thông tin	2	9.00	7.00	0.5	16.00	16.00	
389	L112-0552	Đặng Thanh Tùng	Nam	09/10/1984	111012-026	Điện tử Viễn thông		1.25	1.25		02.50	02.50	
390	L112-0553	Đỗ Thanh Tùng	Nam	10/06/1990	111042-129	Công nghệ thông tin		6.50	4.50		11.00	11.00	
391	L112-0555	Hoàng Mạnh Tùng	Nam	09/01/1990	111042-010	Công nghệ thông tin		9.00	7.00		16.00	16.00	
392	L112-0556	Nguyễn Sơn Tùng	Nam	18/08/1989	111042-099	Công nghệ thông tin		6.25	1.50		07.75	08.00	
393	L112-0557	Trần Nguyễn Sơn Tùng	Nam	24/12/1990	111012-142	Điện tử Viễn thông		8.00	6.50		14.50	14.50	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Phai	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Ngành ĐKDT	Đối tượng UT	Điểm môn 1 (Cơ sở)	Điểm môn 2 (Chuyên môn)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm chưa làm tròn	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú
394	L112-0558	Nguyễn Vinh	Tường	Nam	15/12/1988	111012-205	Điện tử Viễn thông	5.00	5.00		10.00	10.00	
395	L112-0563	Đỗ Lệ Như	Tuyền	Nữ	07/04/1990	114012-015	Quản trị dinh doanh	5.00	4.50		09.50	09.50	
396	L112-0564	Nguyễn Văn Dự	Út	Nam	02/04/1987	111042-044	Công nghệ thông tin	3.00	1.00		04.00	04.00	
397	L112-0565	Nguyễn Thị Linh	Uyên	Nữ	17/12/1990	111042-080	Công nghệ thông tin	6.25	2.50		08.75	09.00	
398	L112-0566	Nguyễn Thị Ngọc	Uyên	Nữ	10/10/1988	114012-052	Quản trị dinh doanh	6.00	1.75		07.75	08.00	
399	L112-0567	Lương Thị Thùy	Vân	Nữ	21/08/1989	114012-060	Quản trị dinh doanh	4.25	5.50		09.75	10.00	
400	L112-0568	Ngô Thị Bích	Vân	Nữ	18/12/1989	114012-025	Quản trị dinh doanh	6.25	3.75		10.00	10.00	
401	L112-0569	Nguyễn Đức	Vân	Nam	09/12/1989	111012-128	Điện tử Viễn thông	0.50	2.75		03.25	03.50	
402	L112-0570	Phan Hoàng Đại	Vệ	Nam	19/12/1990	111012-197	Điện tử Viễn thông	6.25	5.50		11.75	12.00	
403	L112-0571	Đoàn Thị Vân	Vi	Nữ	17/07/1989	111012-034	Điện tử Viễn thông	3.50	5.00		08.50	08.50	
404	L112-0572	Võ Văn	Vĩ	Nam	25/04/1989	111012-310	Điện tử Viễn thông	8.50	8.50		17.00	17.00	
405	L112-0573	Nguyễn Lâm	Viên	Nam	15/03/1984	111012-102	Điện tử Viễn thông	3.50	3.75		07.25	07.50	
406	L112-0574	Nguyễn Đăng	Viên	Nam	05/02/1988	111012-089	Điện tử Viễn thông	3.75	5.50		09.25	09.50	
407	L112-0576	Đào Thanh	Việt	Nam	10/10/1987	114012-055	Quản trị dinh doanh	7.00	3.25		10.25	10.50	
408	L112-0578	Phạm Quốc	Việt	Nam	10/05/1990	111012-150	Điện tử Viễn thông	5.25	8.25		13.50	13.50	
409	L112-0579	Trần Quốc	Việt	Nam	17/01/1986	111042-064	Công nghệ thông tin	5.00	2.00		07.00	07.00	
410	L112-0580	Trương Quang	Việt	Nam	28/08/1988	111012-001	Điện tử Viễn thông	7.50	8.25		15.75	16.00	
411	L112-0581	Dương Quang	Vĩnh	Nam	13/06/1988	111012-079	Điện tử Viễn thông	3.50	5.25		08.75	09.00	
412	L112-0583	Phùng Thế	Vĩnh	Nam	06/09/1990	111012-194	Điện tử Viễn thông	6.00	4.25		10.25	10.50	
413	L112-0584	Trần Phước	Vĩnh	Nam	12/12/1988	111042-104	Công nghệ thông tin	3.00	1.00		04.00	04.00	
414	L112-0585	Phạm Xuân	Vĩnh	Nam	28/07/1990	111012-180	Điện tử Viễn thông	7.50	7.50		15.00	15.00	
415	L112-0586	Đỗ Lưu Đình	Vũ	Nam	09/01/1988	111012-313	Điện tử Viễn thông	8.00	7.75		15.75	16.00	
416	L112-0587	Hồ Xuân	Vũ	Nam	18/03/1990	111042-137	Công nghệ thông tin	3.00	4.00		07.00	07.00	
417	L112-0589	Lê Hoàn	Vũ	Nam	03/01/1989	111012-176	Điện tử Viễn thông	7.00	7.50		14.50	14.50	
418	L112-0591	Lê Nguyên	Vũ	Nam	12/06/1981	111042-087	Công nghệ thông tin	2.50	1.00		03.50	03.50	
419	L112-0593	Nguyễn Hoàng	Vũ	Nam	24/11/1990	111012-156	Điện tử Viễn thông	8.50	7.00		15.50	15.50	
420	L112-0594	Nguyễn Huy	Vũ	Nam	24/11/1990	111012-157	Điện tử Viễn thông	9.00	7.00		16.00	16.00	
421	L112-0595	Nguyễn Trọng Cường	Vũ	Nam	20/06/1990	111012-046	Điện tử Viễn thông	6.50	6.00		12.50	12.50	
422	L112-0596	Phạm Trần	Vũ	Nam	17/11/1989	111042-056	Công nghệ thông tin	6.00	5.50		11.50	11.50	
423	L112-0598	Đỗ Trí	Vững	Nam	23/08/1988	111012-114	Điện tử Viễn thông	3.25	6.00		09.25	09.50	
424	L112-0599	Phạm Hoàng	Vy	Nam	06/11/1990	111012-170	Điện tử Viễn thông	5.75	6.50		12.25	12.50	
425	L112-0600	Phan Văn	Xen	Nam	12/09/1989	111042-059	Công nghệ thông tin	6.50	4.50		11.00	11.00	

TT	Số báo danh	Họ và tên	Phai	Ngày sinh	Mã hồ sơ	Ngành ĐKDT	Đối tượng UT	Điểm môn 1 (Cơ sở)	Điểm môn 2 (Chuyên môn)	Điểm ưu tiên	Tổng điểm chưa làm tròn	Tổng điểm làm tròn	Ghi chú
----	-------------	-----------	------	-----------	----------	------------	--------------	--------------------	-------------------------	--------------	-------------------------	--------------------	---------

Danh sách gồm: **425 thí sinh**

Người lập bảng

Trần Thị Mỹ Hạnh